

NGÔN NGỮ KÍ HIỆU



Tran Thi Thiep

Tel: 84.913.349.534

Email: ttthiep@yahoo.com.vn

Mục tiêu chung của môn học

Sau khi hoàn thành môn học, học viên có thể:

1. Hiểu những vấn đề cơ bản về ngôn ngữ kí hiệu, từ đó làm nền tảng để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu sâu thêm về ngôn ngữ kí hiệu.

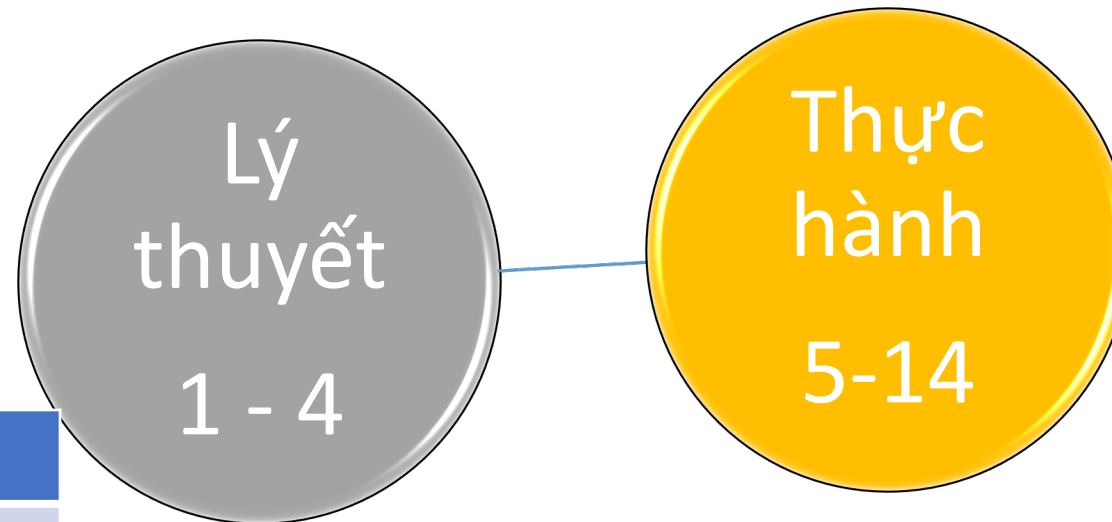
2 Có kĩ năng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu rõ ràng, diễn cảm để giao tiếp với người điếc hay hướng dẫn người khác học ngôn ngữ kí hiệu ở mức độ cơ bản

Mục tiêu cụ thể của môn học

- Nêu được khái niệm, phân loại, đặc điểm và vai trò của ngôn ngữ kí hiệu
- Phân tích được các thành tố của một kí hiệu cụ thể
- Phân tích được các đặc trưng ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu
- Làm được đúng các kí hiệu cơ bản theo các chủ đề
- Có thể giao tiếp ở trình độ cơ bản với người khiếm thính,/ điếc
- Biết tận dụng các nguồn tài nguyên về ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam để bổ sung và cập nhật những kí hiệu và kiến thức về ngôn ngữ kí hiệu.

CẤU TRÚC NỘI DUNG

14 bài – 14 tuần



Nội dung

Bài 1. Sơ lược lịch sử

Bài 2. Khái niệm – đặc điểm

Bài 3. Các phương thức giao tiếp sử dụng NNKH

Bài 4. Dạy và học NNKH

Các chủ đề

Bài 5. Bảng chữ cái ngón tay và số tự nhiên

Bài 6. Bản thân

Bài 7. Gia đình

Bài 8. Nghề nghiệp

Bài 9. Hiện tượng tự nhiên

Bài 10. Thực vật

Bài 11. Động vật

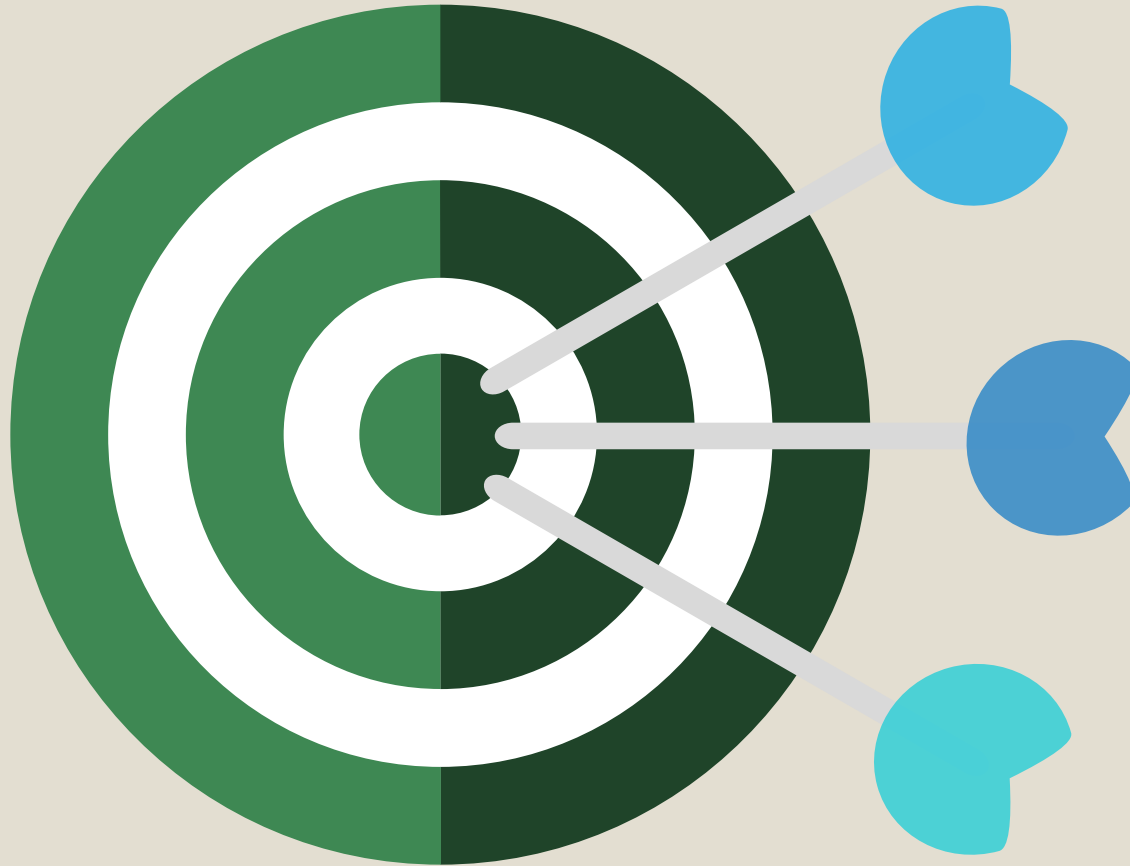
Bài 12. Trường học

Bài 13. Giao thông

Bài 14. Quê hương, đất nước

BÀI 1.
SƠ LƯỢC LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN
NGÔN NGỮ KÍ HIỆU

Mục tiêu bài học



Mục tiêu 1.

Nhắc lại được các chặng đường phát triển NNKH

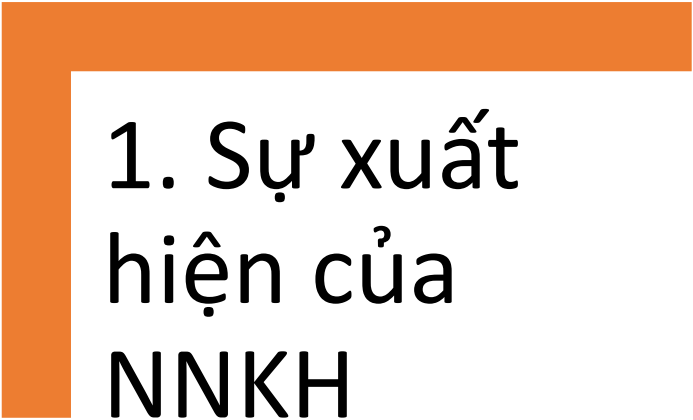
Mục tiêu 2

Biết được các nhân vật lịch sử có ảnh hưởng sâu sắc đến NNKH

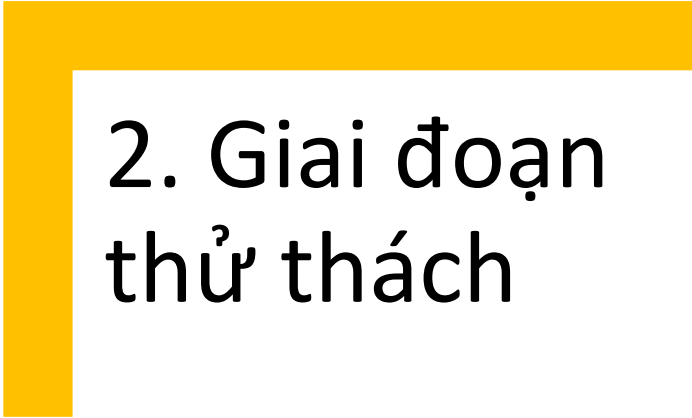
Nội dung 3

Các công trình nghiên cứu về NNKH

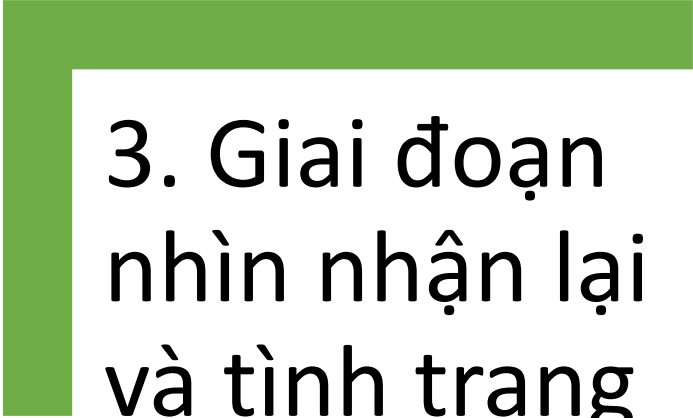
Nội dung



1. Sự xuất
hiện của
NNKH



2. Giai đoạn
thử thách



3. Giai đoạn
nhìn nhận lại
và tình trạng
hiện nay

1. Sự xuất hiện ngôn ngữ kí hiệu



Aristotle(384-322 TCN)

Ngôn ngữ và lời nói là một, do đó những người không thể nói là những người không thể dạy dỗ được



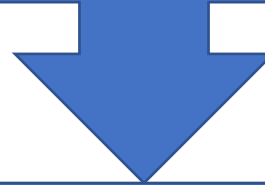
Tuyên bố này đã dẫn tới việc xóa bỏ quyền công dân, quyền tín ngưỡng tôn giáo của những người diếc trong xã hội Hi Lạp cổ đại, khiến họ bị bỏ rơi, bị ruồng rẫy cho tới lúc chết và tuyên bố này còn gây ra những hậu quả ghê gớm cho người diếc tới hai nghìn năm sau.

1. Sự xuất hiện ngôn ngữ kí hiệu



Girolamo Cardano
(1501- 1576)

Ông khẳng định: những người câm có thể “nghe bằng cách đọc và nói bằng cách viết” để nói lên tâm tư, nguyện vọng,...của bản thân



Ông đã sáng tạo ra hệ thống các mã (code) để dạy các từ và dạy cử chỉ điệu bộ cho người điếc.

1. Sự xuất hiện ngôn ngữ kí hiệu



Juan Pablo Bonet
(1573-1633)

Cho đến những năm đầu của thế kỉ 17, tại Tây Ban Nha, Juan Pablo Bonet (1573-1633) đã chuyển tải thành công ý tưởng của Cardano thành phương pháp dạy học cho người điếc trong đó sử dụng điệu bộ tự nhiên để dạy phát âm và dạy nói.

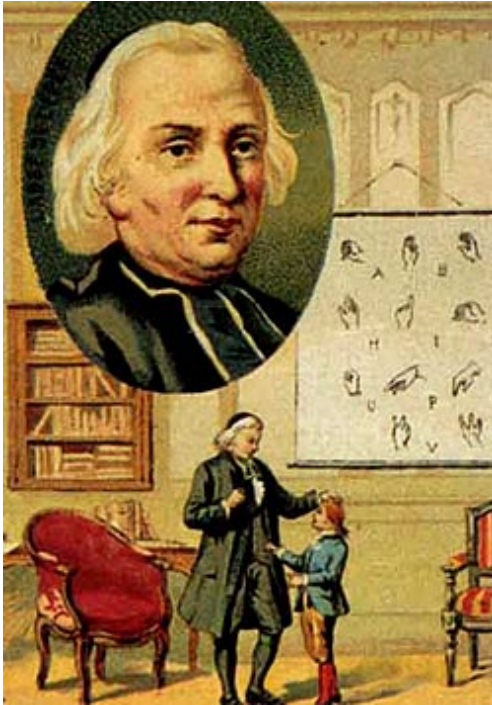
Năm 1620, Bonet cho xuất bản cuốn sách với tựa đề “Tổng hợp các con chữ và nghệ thuật dạy nói cho người câm” (Summary of the letters and the art of teaching speech to the mute) tại Madrid (Tây Ban Nha).

Những công trình của Bonet được coi là bước tiến quan trọng trong lịch sử phát triển của ngôn ngữ kí hiệu. Hệ thống kí hiệu và bảng chữ cái bằng tay của ông cũng đã có ảnh hưởng tới các ngôn ngữ kí hiệu ở các nước như Tây Ban Nha, Pháp và Mỹ.

1. Sự xuất hiện ngôn ngữ kí hiệu

Cho đến trước năm 1760, các dấu hiệu, cử chỉ điệu bộ tồn tại một cách tự nhiên ở những người điếc. Tự thân những người điếc khi giao tiếp với những người thân xung quanh mình đã sử dụng kí hiệu có tính chất cá nhân. Việc sử dụng những kí hiệu này hoàn toàn tự phát, không theo quy tắc ngữ pháp nào và cũng chỉ có những người sử dụng mới hiểu. Những kí hiệu này còn được gọi là những “kí hiệu gia đình” (home-sign).

1. Sự xuất hiện ngôn ngữ kí hiệu



Michel Albe de L'epée
(1712 - 1789)

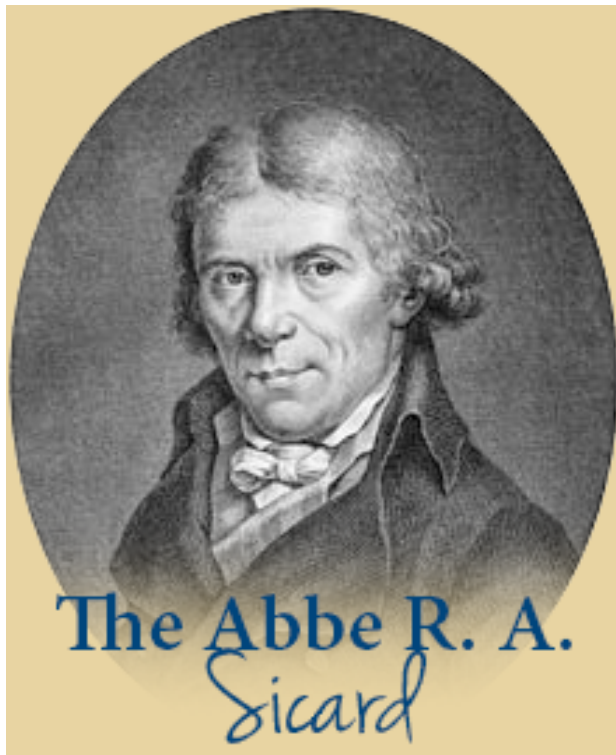
Năm 1755, tại Pháp, tu sĩ Charles Michel Albe de L'epée đã gặp gỡ những người điếc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu và học hỏi các kí hiệu của họ.

Vào năm 1760, Abbé de l'Épée đã mở trường công đầu tiên dành cho người điếc ở Pari (Pháp). Tại ngôi trường này, lần đầu tiên trên thế giới, những người điếc được tập hợp lại và được giáo dục theo nhóm đoàn thể.

Phương pháp kí hiệu của Abbé de l'Épée còn được gọi phương pháp làm dấu theo ngôn ngữ nói và là cơ sở để phát triển Ngôn ngữ mã hóa bằng tay (như Signed English – ngôn ngữ làm dấu tiếng Anh).

Phương pháp kí hiệu của Abbé de l'Épée trở thành ngôn ngữ kí hiệu “chính thức” cho phép người điếc đọc và viết, từ đó có thể học tập được. Ông được coi là “Cha đẻ của nền giáo dục người điếc”.

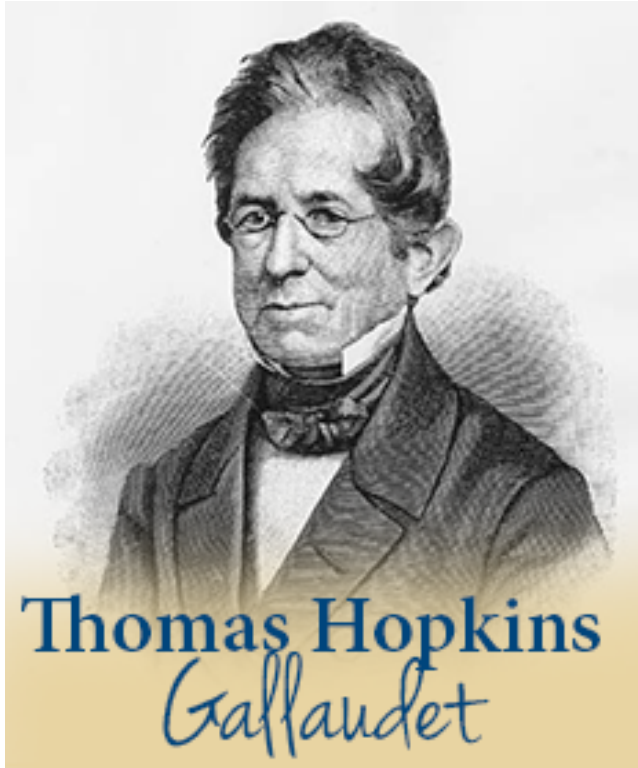
2. Giai đoạn thử thách



Abbe R.A.Sicard
(1742-1822)

Năm 1782, tại Pháp, học trò của L'epée là R.A.Sicard đã mở trường dạy trẻ điếc và sử dụng phương pháp của L'epée. Ông chính là người có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển phương pháp giao tiếp và giáo dục người điếc ở nước Mỹ.

2. Giai đoạn thử thách



Thomas Hopkins Gallaudet
(1787- 1851)

Năm 1815, tại Mỹ, Thomas Hopskin Gallaudet đã lên đường sang Pháp tìm gặp Sicar. Ông đã ở lại trường Sicard để học tập. Tại đó, ông đã gặp Laurent Clerc là một người điếc và là giáo viên trong trường.

Năm 1816, Gallaudet cùng với Sicard và Laurent Clerc đã cùng trở về Mỹ. Năm 1817, trường dạy trẻ điếc đầu tiên ở Mỹ được thành lập mang tên là Connecticut Asylum.

3. Giai đoạn nhìn nhận lại và tình trạng hiện nay của ngôn ngữ kí hiệu

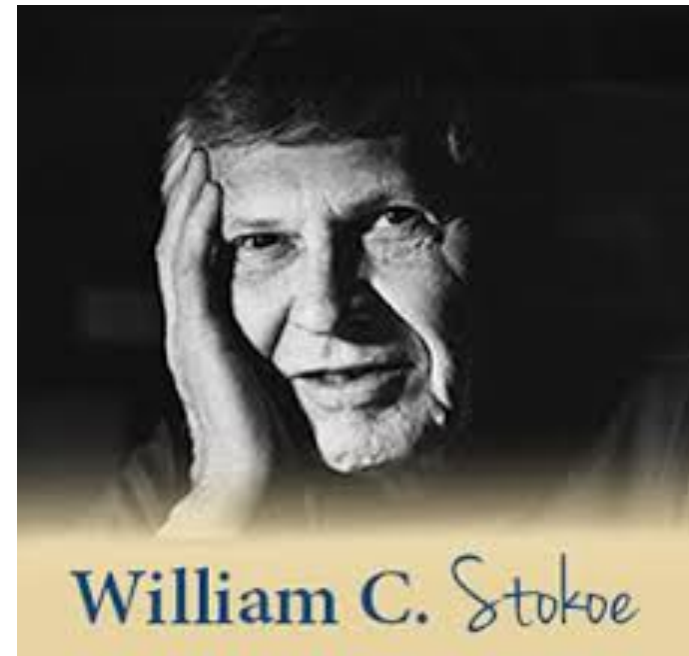
Cho tới nửa cuối thế kỉ 19, tại các trường dạy trẻ điếc ở cả châu Âu và Mỹ đều đã tồn tại 2 phương pháp giáo dục: phương pháp giáo dục dùng ngôn ngữ kí hiệu (phương pháp làm dấu) và phương pháp giáo dục dùng ngôn ngữ lời nói (phương pháp lời nói) và luôn tồn tại những quan điểm đối lập, trái chiều về việc sử dụng hai phương pháp này trong nền giáo dục trẻ điếc.

Năm 1880, tại Hội nghị quốc tế về giáo dục cho người điếc tổ chức tại Milan (Ý) đã công bố bản nghị quyết khẳng định xu thế ưu tiên sử dụng phương pháp lời nói và hạn chế sử dụng phương pháp ngôn ngữ kí hiệu, phương pháp kí hiệu.

3. Giai đoạn nhìn nhận lại và tình trạng hiện nay của ngôn ngữ kí hiệu

Vào giữa những năm 1950, tiến sĩ ngôn ngữ học người Mỹ, William Stokoe là người đầu tiên chính thức nghiên cứu các kí hiệu của người điếc dưới góc độ một ngôn ngữ thực thụ. Ông khẳng định đó là một ngôn ngữ riêng, có quy luật, có các đặc tính riêng.

Là một người nghe, William Stokoe đến dạy học tại Đại học Gallaudet và giữ chức trưởng khoa tiếng Anh trong trường.

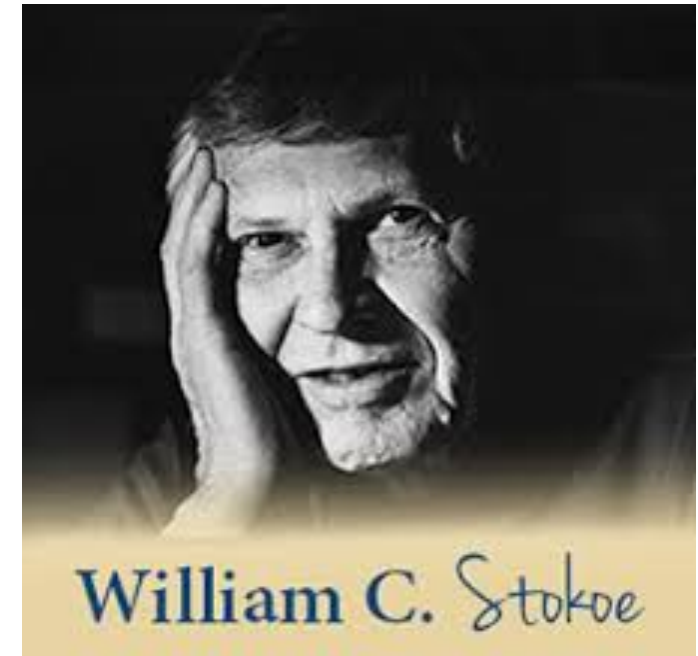


William Stokoe
(1919-2000)

3. Giai đoạn nhìn nhận lại và tình trạng hiện nay của ngôn ngữ kí hiệu

Làm việc tại đây, ông sớm trở nên thích thú và bị lôi cuốn bởi một loại ngôn ngữ, ngôn ngữ của những dấu hiệu, phương tiện chủ yếu dùng để giao tiếp trong khuôn viên của trường.

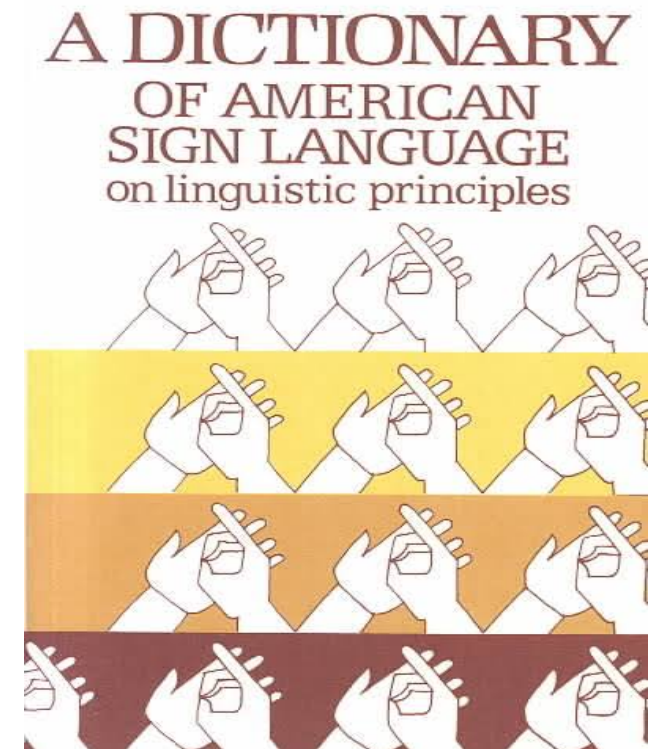
Năm 1957, ông bắt đầu Chương trình Nghiên cứu ngôn ngữ học, một dự án nghiên cứu sau giờ làm việc và mùa hè. Cùng với hai trợ lý là người điếc, Carl Croneberg và Dorothy Casterline, Stokoe bắt đầu quay phim từng người đang làm kí hiệu.



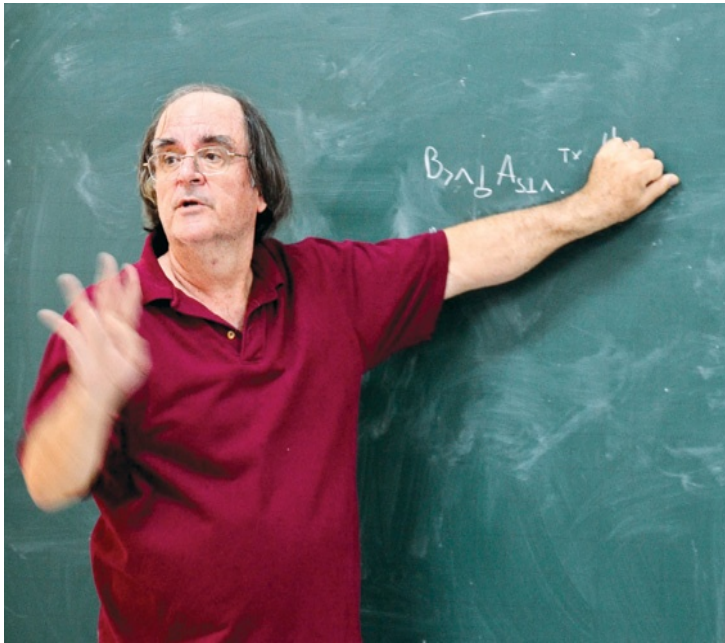
William Stokoe
(1919-2000)

3. Giai đoạn nhìn nhận lại và tình trạng hiện nay của ngôn ngữ kí hiệu

Năm 1965, Stokoe, Casterline và Croneberg đã công bố những kết quả nghiên cứu trong cuốn ***“Từ điển Ngôn ngữ kí hiệu Mỹ theo nguyên tắc ngôn ngữ học”*** (*A Dictionary of American Sign Language on Linguistic Principles*). Trong cuốn sách này, họ đã đưa ra những kí hiệu của Ngôn ngữ kí hiệu Mỹ dưới dạng các biểu tượng dựa trên cơ sở những nguyên tắc của ngôn ngữ học.



3. Giai đoạn nhìn nhận lại và tình trạng hiện nay của ngôn ngữ kí hiệu



Năm 1973, Tiến sĩ James Clyde Woodward đã hoàn tất luận án của mình tại Đại học Georgetown về ngôn ngữ kí hiệu và trở thành nhà ngôn ngữ học đầu tiên trên thế giới có bằng tiến sĩ về ngôn ngữ kí hiệu.

1.3. Giai đoạn nhìn nhận lại và tình trạng hiện nay của ngôn ngữ kí hiệu

Ở Việt Nam

Năm 1866, trường dạy cho người điếc đầu tiên do linh mục Azemar (người Pháp) thành lập tại Thuận An. Tại trường này, người ta cũng sử dụng cả ngôn ngữ kí hiệu và ngôn ngữ nói để giao tiếp với người điếc.

Tuy nhiên những năm trước, mục tiêu giáo dục trẻ điếc trong hầu hết các trường là hình thành và phát triển ngôn ngữ nói. Cho đến những năm đầu của thập kỉ 90, do nhu cầu sử dụng ngôn ngữ kí hiệu ngày càng phát triển của cộng đồng người điếc, đặc biệt là những người điếc sau khi học xong chương trình tiểu học. Nhiều trường, trung tâm dạy trẻ Điếc đã bắt đầu tiếp cận với ngôn ngữ kí hiệu.

1.3. Giai đoạn nhìn nhận lại và tình trạng hiện nay của ngôn ngữ kí hiệu

Ở Việt Nam

- Đỗ Văn Ba (1997) đã thống kê được 634 kí hiệu.
- Dự án “Giáo dục hòa nhập người khiếm thính” của tổ chức Ps Buck (1998) 3 tập sách với 645 kí hiệu.
- Từ điển điện tử ngôn ngữ kí hiệu đầu tiên (2005) đã có 3.900 kí hiệu.
- “Chương trình dạy ngôn ngữ kí hiệu trên truyền hình”. (2012)
- “Giáo trình ngôn ngữ kí hiệu thực hành” (2012)

3. Giai đoạn nhìn nhận lại và tình trạng hiện nay của ngôn ngữ kí hiệu

Ở Việt Nam

Từ năm 2000, Việt Nam bắt đầu tập trung những hoạt động nhằm thu thập và phát triển hệ thống kí hiệu ngôn ngữ của người Điếc. Các câu lạc bộ của người Điếc bắt đầu được hình thành và hoạt động ở nhiều nơi trong cả nước. Hiện nay, ở Việt Nam có 3 hệ thống kí hiệu đang được sử dụng phổ biến, đó là kí hiệu ngôn ngữ Hà Nội, kí hiệu ngôn ngữ Hải Phòng và kí hiệu ngôn ngữ thành phố Hồ Chí Minh.

Theo khảo sát năm 1997: chỉ có 36% số kí hiệu hoàn toàn giống nhau, 46% gần giống nhau và 18% số kí hiệu khác nhau.

Những năm gần đây, một số nghiên cứu của Tiến sĩ James Clyde Woodward về cách biểu đạt ngôn ngữ kí hiệu của người Điếc Việt Nam đã đưa ra kết luận: kí hiệu ngôn ngữ thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 58% *từ vựng cốt lõi cơ bản* giống với kí hiệu ngôn ngữ Hà Nội và 54% giống với kí hiệu ngôn ngữ Hải Phòng.



Clip:

Minh họa 1 video bài giảng người điếc sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để hỗ trợ học sinh điếc học hoà nhập môn Tiếng Việt lớp 5
Nguồn: Dự án Giáo dục hoà nhập Bộ giáo dục và đào tạo



Clip:

*Dạy ngôn ngữ kí hiệu trên truyền hình – Minh họa 1 bài học
do người điếc hướng dẫn học sinh điếc
Nguồn: Đài truyền hình Việt Nam*

BÀI TẬP

- Xây dựng sơ đồ tư duy về những mốc lịch sử quan trọng có liên quan đến sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ kí hiệu.